

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/DS-ST

Ngày: 06-4-2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Ông Nguyễn Quốc Thuần

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 273/2021/TLST-DS ngày 18/11/2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 14/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-DS ngày 03/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-DS ngày 21/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Minh T**, sinh năm 1977;

Trú tại: ấp X, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Số 41/4 Trần Hưng Đ, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2021)

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy H** (tên thường gọi là **A**), sinh năm 1972 (vắng mặt);

Trú tại: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh **Cao Văn S**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

HKTT: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 28/6/2021 của nguyên đơn Phan Thị Minh T và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc P trình bày:

Do quen biết nên ngày 20/12/2019, chị T có cho chị Nguyễn Thị Thúy H vay số tiền 10.000.000đồng và thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Từ khi vay tiền, chị H có đóng lãi cho chị T đầy đủ đến tháng 9/2020 thì ngưng không đóng lãi nữa. Chị T đã nhiều lần yêu cầu chị H trả tiền vốn và lãi cho chị T nhưng chị H không thực hiện. Được biết chị H vay tiền để chi tiêu vào sinh hoạt phí gia đình cùng chồng là anh Cao Văn S.

Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy H cùng chồng là anh Cao Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số tiền 10.000.000đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 20/10/2020 đến khi tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính đến ngày 20/11/2021 là 10.000.000đồng x 1,66% x 13 tháng = 2.158.000đồng. Yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 06/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc P xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Cao Văn S, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị Thúy H.

Đối với yêu cầu tính lãi, tính theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập chị H, anh S đến tòa để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa, nhưng chị H, anh S đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Ngọc P có đơn xin vắng mặt; Chị Nguyễn Thị Thúy H, anh Cao Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P, chị H, anh S là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị T yêu cầu chị H trả số tiền vốn vay 10.000.000đồng cùng tiền lãi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 06/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc P xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Cao Văn S, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy việc phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Minh T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ trả số tiền vay 10.000.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn thì do quen biết nên ngày 20/12/2019, chị T có cho chị Nguyễn Thị Thúy H vay số tiền 10.000.000đồng và thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Từ khi vay tiền, chị H có đóng lãi cho chị T đầy đủ đến tháng 9/2020 thì ngưng không đóng lãi nữa. Chị T đã nhiều lần yêu cầu chị H trả tiền vốn và lãi cho chị T nhưng chị H không thực hiện;

Căn cứ vào Tờ giấy viết tay đề ngày 20.12.2019 do nguyên đơn cung cấp;

Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của của chị T. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như chị H không có phản đối gì đối với yêu cầu của chị T.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 20/12/2019, chị T có cho chị Nguyễn Thị Thúy H mượn số tiền 10.000.000đồng và chị H chưa trả số tiền trên cho chị T. Do đó cần buộc chị H có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 10.000.000đồng cho chị T.

Đối với yêu cầu tính lãi: Xét việc chị T yêu cầu chị H trả tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 20/10/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử là ngày 06/4/2022 là có cơ sở vì theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất không có thỏa thuận không quá 10%/năm nên số tiền 10.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 17 tháng 14 ngày = 1.449.733đồng. Tổng cộng số tiền mà chị H phải trả cho chị T là 11.449.733 đồng (làm tròn 11.449.000đồng).

[5] Về thời gian trả tiền: Chị T yêu cầu chị H trả tiền cho chị T khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở vì phía chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T nên Hội đồng xét xử buộc chị H trả cho chị T số tiền vốn vay cùng tiền lãi tổng cộng là 11.449.000đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị Phan Thị Minh T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, 92, 147, 220, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Minh T đối với anh Cao Văn S về việc chị T yêu cầu anh Cao Văn S có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thúy H trả cho chị T số tiền vốn vay 10.000.000 đồng cùng tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 20/10/2020 đến khi tòa án xét xử vụ án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Minh T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Minh T số tiền vốn vay 10.000.000 đồng và tiền lãi 1.449.000 đồng, tổng cộng là 11.449.000 đồng (*Mười một triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng*).

Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Phan Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu chị Nguyễn Thị Thúy H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 572.450 đồng (làm tròn là 572.500 đồng) (*Năm trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 304.000 đồng (*Ba trăm lẻ bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005131 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với nguyên đơn và bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Linh